

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thu Đông**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Minh Tuấn** và bà **Bùi Thị Kim Loan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hải Lê** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Thu Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 297/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Nguyễn Thị Phương D**, sinh năm 1983;

Nơi ĐKNKTT: phường S, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh;

Chỗ ở hiện nay: phường S, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

2. *Bị đơn:* anh **Đào Ngọc T**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: phường S, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2021, bản tự khai và tại đơn xin xử án vắng mặt, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Phương D** trình bày:

Chị kết hôn với anh **Đào Ngọc T** vào năm 2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh sau thời gian tìm hiểu là hai năm. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng bố mẹ anh T ở phường S, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Chị và anh T chung sống hạnh phúc được 6 năm, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh T khác nhau về tính cách và quan điểm

sống, anh T mãi chơi, không chăm lo cho gia đình. Chị đã nhiều lần góp ý, khuyên nhủ và cho anh T cơ hội để sửa chữa sai lầm nhưng anh T không những không thay đổi mà còn đánh chửi và xúc phạm chị; không có trách nhiệm, không quan tâm đến gia đình. Trong thời gian chung sống, do mâu thuẫn nên rất nhiều lần anh chị đã sống ly thân. Sau đó, vì thương con chung còn nhỏ dại và muốn cho anh T thêm cơ hội để sửa chữa nên chị và anh T lại về chung sống cùng nhau. Tuy nhiên, anh T không thể thay đổi được tính cách và hành vi của mình, vẫn mãi chơi, không quan tâm đến gia đình. Từ năm 2019 đến nay chị mới chính thức ly thân và chấm dứt hẳn việc liên lạc, quan tâm cũng như tình cảm vợ chồng với anh T. Khi ly thân, anh T vẫn ở tại nhà cùng bố mẹ, còn chị đưa con chung ra bên ngoài thuê nhà sinh sống. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải mâu thuẫn cho anh, chị nhưng không có kết quả; hai vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được nữa. Chị đã từng làm đơn ly hôn đến Tòa án nhưng do thương con và cũng muốn cho anh T cơ hội nên chị đã rút đơn về. Tuy nhiên, anh T vẫn không có động thái thay đổi và sửa chữa bản thân, anh T không còn yêu thương, không còn quan tâm đến vợ con nữa. Bản thân chị cũng thấy không còn tình cảm yêu thương vợ chồng, không còn sự quan tâm đến anh T nữa. Từ khi quyết định chấm dứt hẳn với anh T đến nay, chị cảm thấy mình có cuộc sống hạnh phúc hơn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung của hai vợ chồng không có, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết xin được ly hôn với anh Đào Ngọc T.

Về con chung: chị Nguyễn Thị Phương D và anh Đào Ngọc T có 01 con chung là Đào Dung N sinh ngày 04 tháng 7 năm 2008. Từ khi chị và anh T sống ly thân đến nay, con chung luôn ở cùng chị và chị vẫn đảm bảo được việc chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ con chung mà không có sự hỗ trợ của anh T nên khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện tại chị làm cắt tóc, gội đầu, thu nhập khoảng 8 triệu đồng/tháng, đủ đảm bảo để nuôi con chung. Từ trước đến nay, anh T không có trách nhiệm với con và bản thân anh T cũng khó khăn về kinh tế nên chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: chị và anh T không có tài sản chung và không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Đào Ngọc T nhiều lần tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh T đều vắng mặt nên không có quan điểm của anh T về việc giải quyết vụ án và không tiến hành hòa giải được vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia tố tụng tại phiên tòa nêu quan điểm về việc tiến hành tố tụng và nội dung giải quyết vụ án dân sự, khẳng định: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về thẩm quyền: xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách tố tụng các đương sự tham gia tố tụng; về thời hạn chuẩn bị xét xử và các thủ tục tố tụng khác đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình

chưa đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương D. Về quan hệ hôn nhân: chị D được ly hôn với anh Đào Ngọc T; về con chung: chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đào Dung N, anh T không phải cấp dưỡng cho con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Đào Ngọc T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường S, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh nên yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đào Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 110/2007, ngày 19 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh thể hiện hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Phương D và anh Đào Ngọc T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà riêng của bố mẹ anh T ở phường S, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Anh chị chung sống hạnh phúc được 6 năm, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D trình bày là do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo, không có trách nhiệm với gia đình. Mặc dù chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi mà còn đánh chửi và xúc phạm chị. Trong quá trình chung sống, do mâu thuẫn vợ chồng nên rất nhiều lần anh chị đã sống ly thân. Đến năm 2019 chị đã đưa con chung ra khỏi nhà bố mẹ anh T và thuê nhà tại tổ 5, khu Cao Sơn 3, phường Cẩm Sơn để sinh sống; từ thời điểm đó anh chị chính thức ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả, vợ chồng anh chị không thể hòa hợp được. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không còn tình cảm gì nữa, thỉnh thoảng liên lạc cũng chỉ là để cho con gái được chuyện trò với bố. Xét thấy, tình cảm không còn, cuộc sống chung của hai vợ chồng không có, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Đào Ngọc T.

Theo xác minh tại gia đình anh T và tại địa phương thể hiện: chị D và anh T là vợ chồng hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn của chị D và anh T là do tính cách hai người không hợp, thường xuyên cãi nhau và không tìm được tiếng nói chung.

Do mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nên chị D, anh T đã rất nhiều lần sống ly thân, sau đó lại quay về và từ năm 2019 anh chị đã chính thức sống ly thân và không quay lại với nhau nữa. Bản thân anh T cũng không còn tình cảm yêu thương vợ chồng dành cho chị D nhưng do việc đi lại trong tình hình dịch bệnh Covid khó khăn nên anh T không thể đến Tòa án làm thủ tục ly hôn với chị D theo văn bản triệu tập của Tòa án được. Anh T và chị D không có tài sản chung và không vay nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh T.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị D, anh T là trầm trọng, hai người sống ly thân từ cuối năm 2019, cả hai đã không còn sự yêu thương và quan tâm dành cho nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phương D về việc xin ly hôn với anh Đào Ngọc T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị Nguyễn Thị Phương D và anh Đào Ngọc T có 01 con chung là Đào Dung N, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2008. Từ khi ly thân đến nay, con chung luôn ở cùng chị D và chị vẫn đảm bảo được việc chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ con chung. Hiện tại, chị D đang làm công việc cắt tóc gội đầu, thu nhập khoảng 8 triệu đồng/tháng, đủ đảm bảo để nuôi con, con chung lại là cháu gái đang trong độ tuổi dậy thì, nên khi ly hôn chị D xin được trực tiếp nuôi con chung. Từ khi ly thân, anh T không chu cấp cho con chung và bản thân anh T cũng gặp nhiều khó khăn về kinh tế nên chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con chung. Nguyên vọng được nuôi con chung của chị D cũng phù hợp với nguyên vọng của con chung và phù hợp với kết quả xác minh tại gia đình anh T và địa phương nơi cư trú. Do đó, việc giao con chung cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị D, giao con chung Đào D Nhi cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi để đảm bảo lợi ích toàn diện của con chung.

Do chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung nên anh T không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: chị Nguyễn Thị Phương D và anh Đào Ngọc T không có tài sản chung và không vay nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Phương D được ly hôn với anh Đào Ngọc T.

2. Về con chung: giao con chung Đào Dung N, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2008 cho chị Nguyễn Thị Phương D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đào Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: chị Nguyễn Thị Phương D và anh Đào Ngọc T không có tài sản chung và không vay nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Phương D phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005059, ngày 08/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- Chi cục THADS thành phố Cẩm Phả;
- UBND phường Cẩm Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thu Đông

